

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

10 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm lại ngày 26/06/2026)
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm lại ngày 26/06/2026)
Ông Đàm Duy Toàn	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 26/06/2026)
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 26/06/2026)

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Minh Hằng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/06/2026)
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26/06/2026)
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên (bổ nhiệm lại ngày 26/06/2026)
Ông Lê Giang Nam	Thành viên (bổ nhiệm lại ngày 26/06/2026)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 01/07/2026)
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 01/07/2026)
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng (bổ nhiệm lại ngày 01/07/2026)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Trần Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

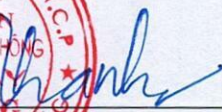
Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Trần Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Số: 362/2026/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2026 từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Văn Long

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3303-2024-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.038.021.737	54.108.311.371
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	14.831.345.164	22.839.774.371
1. Tiền	111		10.824.317.767	12.757.319.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.007.027.397	10.082.454.795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.333.182.192	5.101.301.369
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	4.2	24.333.182.192	5.101.301.369
2. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.988.823.264	18.990.431.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	26.958.007.657	21.222.309.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	548.117.826	87.506.008
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.5	1.037.927.544	235.845.305
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	4.6	(2.555.229.763)	(2.555.229.763)
IV. Hàng tồn kho	140		5.245.939.786	5.266.782.701
1. Hàng tồn kho	141	4.7	5.245.939.786	5.266.782.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.638.731.331	1.910.021.712
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.8	1.638.731.331	765.085.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	1.049.991.026
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	4.14	-	94.945.199
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.189.648.447	57.715.125.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		283.299.800	200.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	215	4.5	283.299.800	200.000.000
II. Tài sản cố định	220		47.331.435.325	48.147.312.109
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	46.576.754.845	47.359.798.291
Nguyên giá	222		173.697.588.911	172.822.224.901
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.120.834.066)	(125.462.426.610)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	754.680.480	787.513.818
Nguyên giá	228		1.223.083.100	1.223.083.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(468.402.620)	(435.569.282)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	2.253.005.298
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	4.11	-	2.253.005.298
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		5.574.913.322	7.114.808.585
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.8	5.574.913.322	7.114.808.585
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		125.227.670.184	111.823.437.363

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.911.122.878	70.003.986.357
I. Nợ ngắn hạn	310		65.840.997.878	64.962.486.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	15.041.457.353	26.672.638.271
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	7.947.952.231	2.871.392.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.14	2.041.869.696	1.366.404.742
4. Phải trả người lao động	315	4.15	16.413.655.390	15.462.805.809
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.16	4.743.664.096	181.823.585
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	4.17	3.973.885.258	2.732.300.971
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	4.18	13.594.932.172	14.282.178.506
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.19	2.062.000.000	1.269.986.135
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.20	21.581.682	122.955.352
II. Nợ dài hạn	330		13.070.125.000	5.041.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	4.18	3.770.625.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	4.19	9.299.500.000	1.401.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.21	46.316.547.306	41.819.451.006
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.836.509.193	(1.660.587.107)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		(1.660.587.107)	(9.073.764.653)
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		4.497.096.300	7.413.177.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.227.670.184	111.823.437.363

**Trần Thanh Nghĩa****Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Thị Minh Huyền**Kế toán trưởng****Phạm Thị Thương****Người lập**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

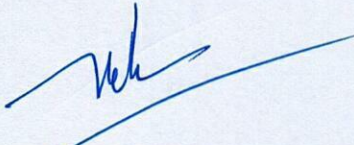
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	129.735.050.571	103.371.242.374
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	544.450.398	1.521.313.475
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.190.600.173	101.849.928.899
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	104.751.084.803	83.127.392.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.439.515.370	18.722.536.515
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.4	473.427.669	192.919.548
8. Chi phí tài chính	23	5.5	728.274.523	314.183.275
Trong đó, chi phí lãi vay	24		467.948.014	126.683.275
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	5.036.726.938	3.781.886.662
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	11.997.227.554	9.229.536.910
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.150.714.024	5.589.849.216
12. Thu nhập khác	31	5.8	192.244.229	58.163.682
13. Chi phí khác	32	5.9	708.206.241	309.320.060
14. Lợi nhuận khác	40		(515.962.012)	(251.156.378)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.634.752.012	5.338.692.838
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	1.209.995.150	243.089.679
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.424.756.862	5.095.603.159
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.5	1.054	1.005
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.6	1.054	1.005


Trần Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026


Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.634.752.012	5.338.692.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.157.453.917	3.143.735.573
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(35.290.660)	(80.094.300)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(526.611.491)	(112.825.248)
Chi phí đi vay	06		467.948.014	126.683.275
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.698.251.792	8.416.192.138
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.913.018.504)	(15.178.336.725)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.842.915	(194.790.223)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.064.475.909	13.192.125.461
Tăng giảm chi phí chờ phân bổ	12		425.340.619	740.228.118
Chi phí đi vay đã trả	14		(417.680.246)	(128.821.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.185.224.616)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.027.397	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(101.373.670)	(229.173.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.598.641.596	6.617.423.617
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.595.431.482)	(259.957.407)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		123.514.814	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.000.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		164.188.458	5.562.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.307.728.210)	(6.254.395.172)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	10.000.000.000	420.497.029
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.309.986.135)	(610.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.690.013.865	(190.312.971)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(8.019.072.749)	172.715.474
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.839.774.371	16.757.696.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.643.542	63.711.603
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		14.831.345.164	16.994.123.850



Trần Thanh Nghĩa

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Thị Minh Huyền

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (một doanh nghiệp Nhà nước). Ngày 23 tháng 09 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2005 của Bộ Giao Thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 15 vào ngày 09 tháng 07 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0400102045.

Ngày 09 tháng 09 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UpCom. Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 42.676.830.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 448 người (Tại ngày 31/12/2025: 466 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Giáo dục khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Các dịch vụ bán lẻ phi thực phẩm. Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Phú Bài CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn; Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Tổ 10, phường Phú Bài, thành phố Huế
Chi nhánh Nha Trang – CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Ăn uống	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco (dưới đây gọi tắt là "Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng")	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	727 Nguyễn Hữu Thọ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco Thừa Thiên Huế (dưới đây gọi tắt là "Trung tâm đào tạo lái xe Huế")	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	73 Phan Đình Phùng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 như trình bày sau đây:

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 có ảnh hưởng đến Công ty theo phương pháp điều chỉnh phi hồi tố theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 30, Thông tư 99.

Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với yêu cầu trình bày của Thông tư 99 và được trình bày tại Thuyết minh số 10.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí chờ phân bổ bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính [riêng]. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.5. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ (các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,...) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thể bị tổn thất thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho và tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2026</u>
• Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
• Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 10 năm
• Tài sản cố định khác	04 – 10 năm

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.10. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận sau thuế

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp

Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng và Trung tâm đào tạo lái xe Huế hoạt động theo hình thức đầu tư góp vốn giữa Công ty với các cá nhân để cùng thực hiện hoạt động đào tạo nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Công ty là bên nhận góp vốn đã ghi nhận số tiền góp vốn từ các cá nhân là khoản nợ phải trả khác.

Nguyên tắc hạch toán và phân chia lợi nhuận

Công ty chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, chi phối và là bên duy nhất trực tiếp ghi nhận kế toán toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh từ các hoạt động của hai trung tâm. Theo thỏa thuận, các đối tác còn lại chỉ được phân chia lợi nhuận sau khi kết thúc niên độ kế toán năm.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát chia doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp

Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng và Trung tâm đào tạo lái xe Huế hợp tác với các cá nhân trong lĩnh vực đào tạo dạy lái xe ô tô bằng hạng B. Công ty chịu trách nhiệm pháp lý và hoạt động quản lý điều hành đối với hoạt động đào tạo; Các cá nhân sử dụng phương tiện ô tô thuộc sở hữu của mình và các chứng chỉ, chứng nhận phù hợp để trực tiếp giảng dạy lái xe cho học viên theo sự phân công của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nguyên tắc hạch toán và phân chia kết quả

Các bên tham gia hợp tác kinh doanh thực hiện phân chia doanh thu của hoạt động theo tỷ lệ quy định trên từng hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các bên tự chịu về chi phí phát sinh của mỗi bên.

3.13. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả cổ tức, lợi nhuận và phải trả khác theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận là các khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) phải trả cho các cổ đông của công ty;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.17. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác đang cung cấp trong kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lãi chậm thanh toán.

3.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế. Mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành được xác định như sau:

- Đối với hoạt động đào tạo tại hai Trung tâm đào tạo lái xe: mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 320/2025/ND-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ;
- Các hoạt động còn lại của Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đào tạo dạy nghề lái xe: Không chịu thuế GTGT;
- Cung cấp suất ăn cho hãng hàng không nước ngoài: 0%;
- Kinh doanh thương mại: 5% - 10%;
- Dịch vụ hàng không: 10%

(Áp dụng mức thuế suất 8% đối với hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ hàng không từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2026 theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ);

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan _ Xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

		Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND
	Ngoại tệ		Ngoại tệ	
1. Tiền mặt tại quỹ (VND)		354.521.531		900.502.374
+ VND		315.150.360		861.489.177
+ USD	1.497,80 #	39.371.171	1.497,8 #	39.013.197
2. Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		10.469.796.236		11.856.817.202
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		9.067.842.881		9.357.904.840
+ VND		5.021.403.904		8.845.303.514
+ USD	153.938,94 #	4.046.438.977	19.657,22 #	512.601.326
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		1.275.550.152		1.967.620.837
+ VND		941.195.564		1.927.926.428
+ USD	12.757,73 #	334.354.588	1.522,20 #	39.694.409
- Các ngân hàng khác		126.403.203		531.291.525
3. Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng		4.007.027.397		10.082.454.795
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		-		10.082.454.795
+ Gốc		-		10.000.000.000
+ Lãi dự thu		-		82.454.795
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		4.007.027.397		-
+ Gốc		4.000.000.000		-
+ Lãi dự thu		7.027.397		-
Cộng		14.831.345.164		22.839.774.371

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
VND						
Tiền gửi có kỳ hạn						
1. Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	1.022.191.781	1.022.191.781	-	1.009.246.575	1.009.246.575	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.022.191.781	1.022.191.781	-	1.009.246.575	1.009.246.575	-
+ Gốc	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Lãi dự thu	22.191.781	22.191.781	-	9.246.575	9.246.575	-
2. Tiền gửi có kỳ hạn 9 tháng	2.038.575.342	2.038.575.342	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.038.575.342	2.038.575.342	-	-	-	-
+ Gốc	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
+ Lãi dự thu	38.575.342	38.575.342	-	-	-	-
3. Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	21.272.415.069	21.272.415.069	-	4.092.054.794	4.092.054.794	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	4.092.054.794	4.092.054.794	-
+ Gốc	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
+ Lãi dự thu	-	-	-	92.054.794	92.054.794	-
- Ngân hàng TMCP Quốc dân Việt Nam	5.154.102.740	5.154.102.740	-	-	-	-
+ Gốc	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-
+ Lãi dự thu	154.102.740	154.102.740	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.104.312.329	14.104.312.329	-	-	-	-
+ Gốc	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	-
+ Lãi dự thu	104.312.329	104.312.329	-	-	-	-
- Ngân hàng Nam Á	2.014.000.000	2.014.000.000	-	-	-	-
+ Gốc	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
+ Lãi dự thu	14.000.000	14.000.000	-	-	-	-
Cộng	24.333.182.192	24.333.182.192	-	5.101.301.369	5.101.301.369	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tổng công ty hàng không Việt Nam - CTCP	8.746.187.074	-	9.677.315.289	-
Công ty Cổ phần hàng không Vietjet	7.327.473.729	-	1.859.703.528	-
Korean Airlines Co. Ltd	-	-	3.006.928.473	-
Các đối tượng khác	10.884.346.854	2.555.229.763	6.678.362.378	2.555.229.763
Cộng	26.958.007.657	2.555.229.763	21.222.309.668	2.555.229.763
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.403.188.030	-	10.326.162.273	-

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công Ty TNHH MTV Viễn Thông Châu Ngọc Long	-	-	48.429.710	-
Công ty TNHH Xây lắp Điện Lê Tiên	200.000.000	-	-	-
Hộ kinh doanh Nhà may Tài	122.244.000	-	-	-
Công ty TNHH Chung Ngọc Lới	73.949.000	-	-	-
Các đối tượng khác	151.924.826	-	39.076.298	-
Cộng	548.117.826	-	87.506.008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng (*)	757.577.631	-	100.257.305	-
Ký quỹ, ký cược	53.920.000	-	125.920.000	-
Phải thu khác	226.429.913	-	9.668.000	-
- Phòng Cảnh sát				
Thành phố Huế	49.749.958	-	-	-
- Đối tượng khác	176.679.955	-	9.668.000	-
Cộng	1.037.927.544	-	235.845.305	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	283.299.800	-	200.000.000	-
Cộng	283.299.800	-	200.000.000	-

(*) Trong đó, tạm ứng cho ông Mai Xuân Đạt với số tiền 540.039.900 VND để phục vụ hoạt động tại Trung tâm đào tạo Lái xe Thừa Thiên Huế, thời gian hoàn ứng: khi hoàn thành công việc được phân công.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	2.555.229.763	-	2.555.229.763	-
Cộng	2.555.229.763	-	2.555.229.763	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp. Vì các khoản nợ xấu này tồn đọng lâu, khó thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	-	Trên 3 năm	1.481.124.999	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	498.741.264	-	Trên 3 năm	498.741.264	-	Trên 3 năm
Các học viên bộ đội tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	575.363.500	-	Trên 3 năm	575.363.500	-	Trên 3 năm
Cộng	2.555.229.763	-		2.555.229.763	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.324.843.599	-	3.255.458.758	-
Công cụ, dụng cụ	44.768.479	-	33.412.708	-
Hàng hóa	1.876.327.708	-	1.977.911.235	-
Cộng	5.245.939.786	-	5.266.782.701	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí chờ phân bổ**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê tài sản	417.994.839	247.210.912
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	172.695.238	199.308.381
Chi phí bảo hiểm tài sản	227.423.293	-
Chi phí chờ phân bổ khác	820.617.961	318.566.194
Cộng	1.638.731.331	765.085.487
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.352.657.399	1.643.173.202
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	728.101.786	855.469.288
Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh	2.805.000.000	3.795.000.000
Chi phí thi công, sửa chữa	582.563.207	452.963.582
Chi phí chờ phân bổ khác	106.590.930	368.202.513
Cộng	5.574.913.322	7.114.808.585

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2026	57.505.330.132	35.098.460.817	79.352.749.625	865.684.327	172.822.224.901
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	362.177.060	800.865.091	-	1.163.042.151
Tăng khác	8.042.593	1.195.312.389	975.180.000	-	2.178.534.982
Thanh lý, nhượng bán	-	(680.098.180)	(1.786.114.943)	-	(2.466.213.123)
Tại ngày 30/06/2026	57.513.372.725	35.975.852.086	79.342.679.773	865.684.327	173.697.588.911
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2026	36.587.101.248	31.205.378.935	56.804.910.278	865.036.149	125.462.426.610
Khấu hao trong kỳ	1.293.448.086	733.418.689	2.097.105.626	648.178	4.124.620.579
Thanh lý, nhượng bán	-	(680.098.180)	(1.786.114.943)	-	(2.466.213.123)
Tại ngày 30/06/2026	37.880.549.334	31.258.699.444	57.115.900.961	865.684.327	127.120.834.066
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2026	20.918.228.884	3.893.081.882	22.547.839.347	648.178	47.359.798.291
Tại ngày 30/06/2026	19.632.823.391	4.717.152.642	22.226.778.812	-	46.576.754.845

TSCĐ hữu hình đang hiện hữu tại thời điểm cuối kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Tên tài sản	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà suất ăn CXR mở rộng	19.837.491.818	8.428.517.406	11.408.974.412	19.837.491.818	7.932.475.038	11.905.016.780

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 18.173.471.396 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 67.759.093.868 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	473.227.100	749.856.000	1.223.083.100
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	473.227.100	749.856.000	1.223.083.100
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2026	-	435.569.282	435.569.282
Khấu hao trong kỳ	-	32.833.338	32.833.338
Tại ngày 30/06/2026	-	468.402.620	468.402.620
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	473.227.100	314.286.718	787.513.818
Tại ngày 30/06/2026	473.227.100	281.453.380	754.680.480

TSCĐ vô hình hình đang hiện hữu tại thời điểm cuối kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Tên tài sản	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Phần mềm CT kế toán 2013	151.000.000	151.000.000	-	151.000.000	151.000.000	-
2	Phần mềm quản trị nhân sự FAST	491.000.000	209.546.620	281.453.380	491.000.000	176.713.282	314.286.718

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 473.227.100 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 409.856.000 VND.

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	2.077.909.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	175.096.207
Cộng	-	2.253.005.298

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc sống Việt - Chi nhánh Đà Nẵng	1.895.863.626	1.895.863.626	1.683.026.424	1.683.026.424
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Miền Bắc	-	-	11.179.980.000	11.179.980.000
Các đối tượng khác	13.145.593.727	13.145.593.727	13.809.631.847	13.809.631.847
Cộng	15.041.457.353	15.041.457.353	26.672.638.271	26.672.638.271
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	186.200.143	186.200.143	67.139.052	67.139.052

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	5.466.150.000	2.392.500.000
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	546.306.000	457.533.000
Belavia - Belarusian Airlines	1.024.819.640	-
JSC RED WINGS	910.637.591	-
Các đối tượng khác	39.000	21.359.986
Cộng	7.947.952.231	2.871.392.986

4.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.404.779.812	7.638.637.213	6.737.268.142	-	503.410.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp	565.461.186	1.209.995.150	1.185.224.616	-	540.690.652
Thuế thu nhập cá nhân	71.628.698	910.410.192	1.161.084.843	-	322.303.349
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	274.694.656	179.749.457	94.945.199	-
Cộng	2.041.869.696	10.033.737.211	9.263.327.058	94.945.199	1.366.404.742

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền lương phải trả CBNV	16.413.655.390	15.462.805.809
Cộng	16.413.655.390	15.462.805.809

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Lãi dự trả	59.958.832	9.691.064
Trích trước chi phí đồng phục, bảo hộ lao động và các khoản chi phí khác của cán bộ công nhân viên	3.734.811.536	-
Chi phí phải trả khác	948.893.728	172.132.521
Cộng	4.743.664.096	181.823.585

4.17. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	2.530.860.899	1.464.662.338
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	1.443.024.359	1.267.638.633
Cộng	3.973.885.258	2.732.300.971

4.18. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả (*)	1.527.968.686	1.975.689.671
Kinh phí công đoàn	353.730.383	368.336.046
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	10.662.860.000	10.713.770.000
Phí hoa hồng phải trả khi giới thiệu học viên	-	110.826.912
Phải trả tiền cọc cho tài xế xe taxi	206.243.945	208.317.582
Phải trả khác	844.129.158	905.238.295
Cộng	13.594.932.172	14.282.178.506
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	10.099.257.647	10.319.715.302

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Dài hạn:		
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	130.625.000	-
Cộng	3.770.625.000	3.640.000.000
Trong đó: Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	580.000.000	580.000.000

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT-DVĐN ngày 19/8/2026 phê duyệt chi trả lợi nhuận năm 2025 cho các bên góp vốn liên doanh tại 02 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp: Trung tâm GDNN Huế: 143.906.958 VND, Trung tâm GDNN Đà Nẵng: 456.401.165 VND. Trong đó, số duyệt chi trả lợi nhuận năm 2025 của các bên liên quan là:

- Ông Nguyễn Thanh Đông: 69.735.472 VND
- Ông Phạm Văn Hà: 29.522.176 VND

(**) Trong đó: nhận ký quỹ, ký cược từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP theo hợp đồng mua bán suất ăn số 01 – 2006/SA-MASCO ngày 04/05/2006 và phụ lục 10 – Bản số 01/2026 với số tiền 10.000.000.000 VND, thời gian ký quỹ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*)	1.639.000.000	1.639.000.000	1.533.500.000	741.486.135	846.986.135	846.986.135
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (**)	423.000.000	423.000.000	211.500.000	211.500.000	423.000.000	423.000.000
Cộng	2.062.000.000	2.062.000.000	1.745.000.000	952.986.135	1.269.986.135	1.269.986.135
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*)	8.347.750.000	8.347.750.000	10.000.000.000	1.890.500.000	238.250.000	238.250.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (**)	951.750.000	951.750.000	-	211.500.000	1.163.250.000	1.163.250.000
Cộng	9.299.500.000	9.299.500.000	10.000.000.000	2.102.000.000	1.401.500.000	1.401.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)						
Số hợp đồng	Ngày HĐ	Mục đích	Hạn mức (VND)	Thời hạn cho vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
I. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng						
259/2024/CVTDH/VCB-KHDN	12/12/2024	Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh	2.695.000.000 VND	60 tháng	7,2%/năm	Phương tiện vận tải của Công ty
II. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng						
01/2024-HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	20/01/2025	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư tài sản cố định	280.000.000 VND	36 tháng	Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.
01/2025-HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	14/02/2025	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư tài sản cố định	351.000.000 VND	36 tháng	Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.
02/2026/HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	08/01/2026	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư tài sản cố định	10.000.000.000 VND	36 tháng	Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.

4.20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

		Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Số dư đầu kỳ		122.955.352
Trích quỹ trong kỳ		-
Sử dụng quỹ trong kỳ		101.373.670
Số dư cuối kỳ		21.581.682

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2025	42.676.830.000	803.208.113	(9.073.764.653)	34.406.273.460
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	5.095.603.159	5.095.603.159
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(710.269.559)	(710.269.559)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(95.843.598)	(95.843.598)
Số dư tại ngày 30/06/2025	42.676.830.000	803.208.113	(4.784.274.651)	38.695.763.462
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	3.552.630.841	3.552.630.841
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(233.519.312)	(233.519.312)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(72.468.633)	(72.468.633)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	-	(122.955.352)	(122.955.352)
Tại ngày 01/01/2026	42.676.830.000	803.208.113	(1.660.587.107)	41.819.451.006
Lãi trong kỳ này	-	-	5.424.756.862	5.424.756.862
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(629.995.648)	(629.995.648)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(297.664.914)	(297.664.914)
Tại ngày 30/06/2026	42.676.830.000	803.208.113	2.836.509.193	46.316.547.306

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.412.650.000	15.412.650.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	4.707.500.000	3.707.500.000
Các cổ đông khác	22.556.680.000	23.556.680.000
Cộng	42.676.830.000	42.676.830.000

4.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	42.676.830.000	42.676.830.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	42.676.830.000	42.676.830.000

4.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

4.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.424.756.544	5.095.603.159
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(927.660.562)	(806.113.157)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.497.095.982	4.289.490.002
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.054	1.005

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của kỳ này có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

4.21.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	5.424.756.544	5.095.603.159
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(927.660.562)	(806.113.157)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.497.095.982	4.289.490.002
	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ		
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.267.683	4.267.683
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.054	1.005

Năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của kỳ này có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

4.21.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2026	803.208.113
Trích trong kỳ	-
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2026	803.208.113

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

4.22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tài sản	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND	Kỳ hạn	Đối tượng nhận ký cước, ký quỹ
Tài sản cố định hữu hình	15.664.501.505	2.203.726.215	36 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng
	2.508.969.891	2.661.898.455	60 tháng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng
Tài sản cố định vô hình	473.227.100	473.227.100	36 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng
Ngoại tệ các loại + USD			168.194,47	22.677,22

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	19.592.823.804	12.875.157.256
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	16.312.874.157	18.938.508.828
Doanh thu cung cấp dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác	93.829.352.610	71.557.576.290
Cộng	129.735.050.571	103.371.242.374
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	47.201.309.406	39.185.535.256

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	26.129.398	680.909.475
Giảm giá hàng bán	15.560.000	-
Hàng bán bị trả lại	502.761.000	840.404.000
Cộng	544.450.398	1.521.313.475

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.674.043.628	9.513.297.281
Giá vốn của dịch vụ đào tạo đã cung cấp	9.235.688.578	12.416.107.281
Giá vốn của dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác đã cung cấp	80.841.352.597	61.197.987.822
Cộng	104.751.084.803	83.127.392.384

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	403.096.677	112.825.248
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	35.040.332	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	35.290.660	80.094.300
Cộng	473.427.669	192.919.548

5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	467.948.014	126.683.275
Chi phí chiết khấu thanh toán	240.000.000	187.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	20.326.509	-
Cộng	728.274.523	314.183.275

5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	2.255.153.570	1.894.341.744
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	190.135.639	108.207.362
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.333.336	3.333.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.332.989.551	1.561.891.368
Chi phí bằng tiền khác	255.114.842	214.112.852
Cộng	5.036.726.938	3.781.886.662

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.480.733.982	6.763.408.922
Chi phí đồ dùng văn phòng	434.692.803	96.590.190
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.484.088	62.348.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.711.400	1.242.670.720
Chi phí bằng tiền khác	898.605.281	1.064.518.582
Cộng	11.997.227.554	9.229.536.910

5.8. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	123.514.814	-
Thu nhập khác	68.729.415	58.163.682
Cộng	192.244.229	58.163.682

5.9. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính	27.563.198	-
Phạt chậm nộp	-	15.405.528
Chi phí khác	680.643.043	293.914.532
Cộng	708.206.241	309.320.060

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.098.438.857	30.044.799.307
Chi phí nhân công	39.623.874.952	35.034.593.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.152.212.251	3.138.043.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.143.536.389	13.743.928.251
Chi phí khác bằng tiền	5.092.933.218	4.664.153.522
Cộng	107.110.995.667	86.625.518.675

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.634.752.012	5.338.692.838
- Lợi nhuận của hoạt động được ưu đãi	2.045.989.841	1.856.827.270
- Lợi nhuận của hoạt động không được ưu đãi	4.588.762.171	3.481.865.568
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	731.520.200	589.714.351
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	785.129.315	681.948.651
- Chi phí không được trừ	728.105.315	558.576.341
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi, phải thu ngoại tệ cuối năm trước	-	123.372.310
- Thù lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	57.024.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	53.609.115	92.234.300
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi, phải thu ngoại tệ cuối năm nay	34.380.660	92.234.300
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi, phải thu ngoại tệ cuối năm trước	19.228.455	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(3.573.182.656)
Tổng thu nhập tính thuế	7.366.272.212	2.355.124.533
- Thu nhập của hoạt động được ưu đãi	2.632.592.932	2.279.352.270
- Thu nhập của hoạt động không được ưu đãi	4.733.679.280	75.772.263
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thuế suất thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.209.995.150	243.089.679

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	10.000.000.000	420.497.029
Cộng	10.000.000.000	420.497.029

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả gốc vay theo khế ước thông thường	1.309.986.135	610.810.000
Cộng	1.309.986.135	610.810.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động như sau:

- Thành phố Đà Nẵng;
- Tỉnh Khánh Hòa;
- Thành phố Huế

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026:

	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ										
Từ khách hàng bên ngoài	89.007.850.286	63.953.772.540	28.177.602.525	23.606.567.753	12.005.147.362	14.289.588.606	-	-	129.190.600.173	101.849.928.899
Giữa các bộ phận	-	430.431.017	39.776.000	-	-	-	(39.776.000)	(430.431.017)	-	-
Cộng	89.007.850.286	64.384.203.557	28.217.378.525	23.606.567.753	12.005.147.362	14.289.588.606	(39.776.000)	(430.431.017)	129.190.600.173	101.849.928.899
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.500.103.323	14.254.574.379	1.055.768.207	2.054.699.985	2.883.643.840	2.413.262.151	-	-	24.439.515.370	18.722.536.515
Chi phí bán hàng	(4.396.942.867)	(3.088.719.617)	-	-	(639.784.071)	(693.167.045)	-	-	(5.036.726.938)	(3.781.886.662)
Chi phí quản lý	(7.463.148.287)	(5.708.342.426)	(2.150.325.283)	(1.387.391.074)	(2.383.753.984)	(2.133.803.410)	-	-	(11.997.227.554)	(9.229.536.910)
Doanh thu tài chính	468.664.302	240.139.893	902.534	167.570	75.995.688	77.118.817	(72.134.855)	(124.506.732)	473.427.669	192.919.548
Chi phí tài chính	(278.770.799)	(113.331.942)	(493.544.000)	(315.321.572)	(28.094.579)	(10.036.493)	72.134.855	124.506.732	(728.274.523)	(314.183.275)
Lợi nhuận khác	(466.274.487)	(245.828.727)	136.705.430	298.333	(186.392.955)	(5.625.984)	-	-	(515.962.012)	(251.156.378)
Lợi nhuận trước thuế	8.363.631.185	5.338.491.560	(1.450.493.112)	352.453.242	(278.386.061)	(352.251.964)	-	-	6.634.752.012	5.338.692.838
Thuế TNDN	(811.669.772)	(207.093.635)	(236.858.850)	-	(161.466.528)	(35.996.044)	-	-	(1.209.995.150)	(243.089.679)
Lợi nhuận sau thuế									5.424.756.862	5.095.603.159

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	110.757.209.116	107.336.847.125	7.785.395.923	32.307.155.036	6.736.989.831	12.417.266.760	(51.924.686)	(40.237.831.558)	125.227.670.184	111.823.437.363
Tổng nợ phải trả	(67.479.148.251)	(65.517.396.119)	(7.309.315.750)	(32.307.155.036)	(4.174.583.563)	(12.417.266.760)	51.924.686	40.237.831.558	(78.911.122.878)	(70.003.986.357)
	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định:										
Nguyên giá	62.143.623.833	61.507.898.074	84.357.712.798	85.131.754.557	28.419.335.380	27.405.655.370	-	-	174.920.672.011	174.045.308.001
Hao mòn lũy kế	(44.053.773.413)	(42.674.562.911)	(59.951.360.774)	(60.139.975.070)	(23.584.102.499)	(23.083.457.911)	-	-	(127.589.236.686)	(125.897.995.892)
	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí khấu hao	(1.626.950.692)	(1.069.317.819)	(2.029.858.647)	(1.555.641.631)	(500.644.578)	(518.776.123)	-	-	(4.157.453.917)	(3.143.735.573)
Chi phí mua sắm, XDCB hoàn thành TSCĐ	(10.834.493.851)	(166.500.000)	(3.709.257.631)	(61.957.407)	(51.680.000)	(31.500.000)	-	-	(14.595.431.482)	(259.957.407)

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ sở vị trí địa lý của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo hoạt động kinh doanh là bộ phận thứ yếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Hàng không		Đào tạo		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Từ khách hàng bên ngoài	113.396.047.016	83.744.854.071	15.794.553.157	18.105.074.828	-	-	129.190.600.173	101.849.928.899
Giữa các bộ phận	39.776.000	430.431.017	-	-	(39.776.000)	(430.431.017)	-	-
Cộng	113.435.823.016	84.175.285.088	15.794.553.157	18.105.074.828	(39.776.000)	(430.431.017)	129.190.600.173	101.849.928.899
Chi phí khấu hao	(3.466.836.219)	(2.499.346.708)	(690.617.698)	(644.388.865)		-	(4.157.453.917)	(3.143.735.573)
Chi phí mua sắm, XDCB hoàn thành TSCĐ	(14.543.751.482)	(259.957.407)	(51.680.000)	-		-	(14.595.431.482)	(259.957.407)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Vietnam Airlines”)	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty con của Vietnam Airlines
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
4. Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty con của Vietnam Airlines
5. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	Trực thuộc công ty con của Vietnam Airlines
6. Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
8. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty con của Vietnam Airlines
9. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày 30/06/2026 số dư đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	516.281.264	516.281.264
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	39.564.000	10.507.000
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP	8.746.187.074	9.677.315.289
Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	2.379.756	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam	98.775.936	122.058.720
Cộng - Xem thêm mục 4.3	9.403.188.030	10.326.162.273

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	109.286.000	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	76.914.143	67.139.052
Cộng - Xem thêm mục 4.12	186.200.143	67.139.052

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả ngắn hạn khác - Nhận ký quỹ: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.18	10.000.000.000	10.000.000.000

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả ngắn hạn khác về lợi nhuận hợp tác đầu tư:		
Ông Nguyễn Thanh Đông	69.735.470	237.261.701
Ông Phạm Văn Hà	29.522.177	82.453.601
Cộng - Xem thêm mục 4.18	99.257.647	319.715.302

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả dài hạn khác về vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh:		
Ông Nguyễn Thanh Đông	460.000.000	460.000.000
Ông Phạm Văn Hà	120.000.000	120.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.18	580.000.000	580.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	375.578.704	1.287.793.333
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	51.689.814	58.903.703
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	46.061.100.944	37.705.071.658
Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài	55.345.371	57.860.185
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay Tại Thành phố Đà Nẵng	75.736.273	75.906.377
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam	581.858.300	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	47.201.309.406	39.185.535.256

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	488.300.000	215.320.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	38.225.751	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	133.691.799	23.659.549
Cộng	660.217.550	238.979.549

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	240.000.000	187.500.000
Cộng	240.000.000	187.500.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận hợp tác đầu tư đã trả:		
Nguyễn Thanh Đông	167.526.231	106.098.789
Phạm Văn Hà	52.931.424	-
Cộng	220.457.655	106.098.789

Thủ lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	25.920.000	10.800.000
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15.552.000	6.000.000
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	15.552.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	15.552.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	15.552.000	6.000.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên BKS	9.720.000	4.320.000
Ông Lê Giang Nam	Thành viên BKS	9.720.000	4.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	824.470.410	596.394.001
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	513.933.757	380.084.450
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	-	45.103.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	-	79.969.899
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	513.933.757	380.084.450
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	489.860.077	356.703.498
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng BKS	77.760.000	51.600.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên BKS	141.380.855	113.978.492
Ông Lê Giang Nam	Thành viên BKS	243.190.829	183.998.087

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*Công ty là bên đi thuê*

Công ty thuê đất, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	3.922.795.220	1.603.899.288
Cộng	3.922.795.220	1.603.899.288

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.1, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập và trình bày theo Thông tư 99. Do đó, một số dữ liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 do việc áp dụng Thông tư 99, cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Trích):

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2026 (được báo cáo lại) VND	Phân loại lại theo Thông tư 99 VND	Tại ngày 01/01/2026 (đã báo cáo trước đây) VND
Các khoản tương đương tiền	112	10.082.454.795	82.454.795	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.101.301.369	101.301.369	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	235.845.305	(183.756.164)	419.601.469

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương
Người lập

